

BẢN TIN TÀI CHÍNH

Năm 2018

www.fpts.com.vn

BẢN TIN SỐ 12.2018

THÔNG TIN VĨ MÔ

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG

Tài chính Ngân hàng

Thị trường Chứng khoán

THÔNG TIN PHÁP LUẬT

GÓC TRAO ĐỔI DN

TRU SỞ CHÍNH

Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi,
quận Tây Hồ, Tp Hà nội

Điện thoại: (84-24) 3773 7070

Fax: (84-24) 3773 9058

CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,

P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí

Minh

Điện thoại: (84-28) 6290 8686

Fax: (84-28) 6291 0607

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

100 Quang Trung, P. Thạch Thang,

Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

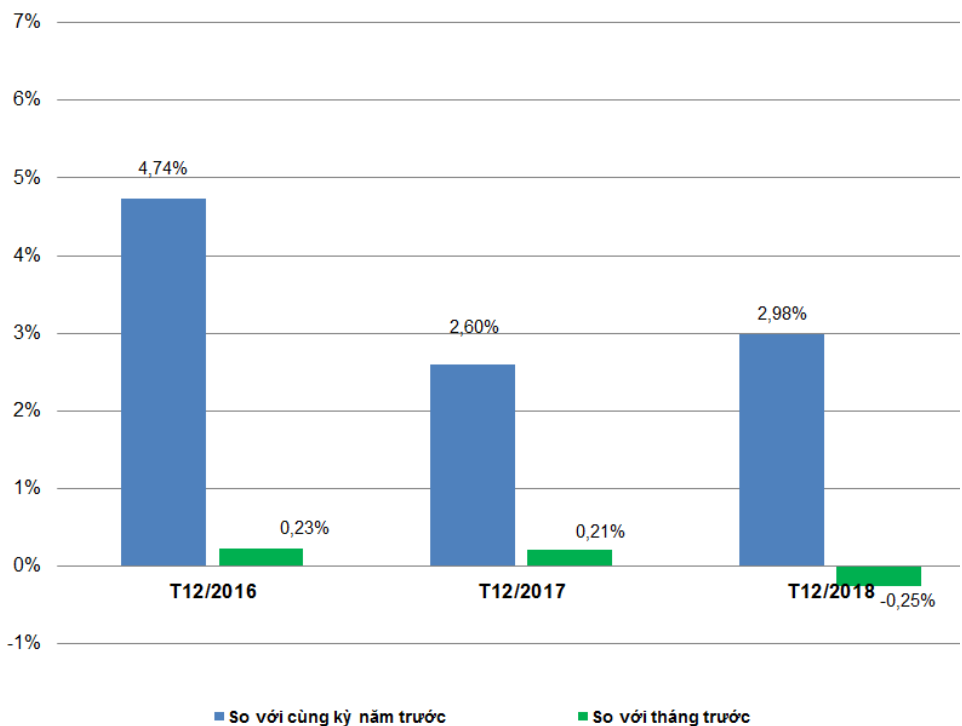
Điện thoại: (84-236) 3553 666

Fax: (84-236) 3553 888

THÔNG TIN VĨ MÔ

Chỉ số tháng 12/2018	Tăng/giảm so với tháng trước	Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	- 0,25%	+ 2,98%
Chỉ số sản xuất công nghiệp	+ 1,4%	+ 11,4%
Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu DVTD	+ 2,1%	+ 12,7%
Tổng kim ngạch xuất khẩu	- 3,4%	+ 6,5%
Tổng kim ngạch nhập khẩu	- 1,8%	+ 5,3%

Mức tăng CPI tháng 12 hàng năm



(Nguồn: Tổng cục thống kê – GSO)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2018 giảm 0,25% so với tháng trước

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2018 giảm 0,25% so với tháng trước, trong đó nhóm giao thông giảm nhiều nhất với 4,88% do ảnh hưởng từ 2 đợt điều chỉnh giảm giá xăng, dầu vào thời điểm 6/12/2018 và 21/12/2018 làm giá xăng, dầu giảm 10,77% (tác động CPI chung giảm 0,45%). Nhóm nhà ở và vật liệu xây

dựm giảm 0,89% chủ yếu do giá gas trong tháng giảm 9,64%. Có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có CPI tháng Mười Hai tăng so với tháng trước: Thuốc và dịch vụ y tế tăng 5,76% (dịch vụ y tế tăng 7,53%) do giá dịch vụ y tế điều chỉnh tăng theo Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 (làm CPI chung tăng 0,29%); may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,43%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,22%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,16%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,05% (lương thực tăng 0,17%; thực phẩm giảm 0,02%); nhóm bưu chính viễn thông và nhóm văn hóa, giải trí, du lịch cùng tăng 0,02%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,24%. Riêng nhóm giáo dục giá không đổi so với tháng trước.

Tính chung quý IV/2018, CPI tăng 0,6% so với quý trước và tăng 3,44% so với quý IV/2017, trong đó nhóm giáo dục tăng 6,51% so với cùng kỳ năm trước (dịch vụ giáo dục tăng 7,41%); giao thông tăng 5,06%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,99% (lương thực tăng 2,56%; thực phẩm tăng 6,07%); nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,1%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,71%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,64%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,6%; đồ uống và thuốc lá tăng 1,52%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,33%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,35%; riêng nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,83%.

CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với tháng 12/2017, bình quân mỗi tháng tăng 0,25%. CPI bình quân năm 2018 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh theo Thông tư số 02/2017/TT-BYT và Thông tư số 39/2018/TT-BYT làm giá dịch vụ y tế tăng 13,86% (tác động làm CPI chung tăng 0,54%).
- Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP làm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2018 tăng 7,12% so với năm 2017 (tác động làm CPI tăng 0,37%).
- Việc tăng lương tối thiểu vùng áp dụng cho người lao động ở các doanh nghiệp từ ngày 1/1/2018 và mức lương cơ sở áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang từ ngày 1/7/2018 làm giá bình quân một số loại dịch vụ như sửa chữa đồ dùng gia đình, bảo dưỡng nhà ở, dịch vụ điện, nước, dịch vụ thuê người giúp việc gia đình năm 2018 tăng từ 3%-5% so với năm 2017.

- Ngoài ra còn một số yếu tố về thị trường, như giá nhóm hàng lương thực tăng 3,71% (tác động làm CPI chung tăng 0,17%); giá thịt lợn tăng 10,37% (tác động làm CPI chung tăng 0,44%); quần áo may sẵn và đồ uống thuốc lá cùng tăng 1,42%; giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 2,54%; giá gas tăng 6,93%; giá xăng, dầu tăng 15,25% (tác động làm CPI chung tăng 0,63%); giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 6,59%; giá nhà ở thuê tăng 1,01%; giá nhóm du lịch trọn gói tăng 1,87% và một số mặt hàng thiết yếu tăng trở lại như giá nhiên liệu, chất đốt, sắt, thép...

Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI năm 2018, có một số yếu tố góp phần kiềm chế CPI: (i) Bộ Y tế ban hành Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp, theo đó chỉ số giá y tế tháng 7/2018 giảm 7,58% (tác động làm CPI chung giảm 0,29%); (ii) Các cấp, các ngành tích cực triển khai các biện pháp bình ổn giá cả thị trường, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán, không để xảy ra hiện tượng tăng giá đột biến; (iii) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Lạm phát cơ bản tháng 12/2018 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.

Không nằm trong rổ các mặt hàng tính chỉ số giá, Chỉ số giá vàng tháng 12/2018 tăng 0,41% so với tháng trước; giảm 0,41% so với cùng kỳ năm 2017; bình quân năm 2018 tăng 2,36% so với năm 2017. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2018 giảm 0,07% so với tháng trước và tăng 2,69% so với cùng kỳ năm 2017; bình quân năm 2018 tăng 1,29% so với năm 2017.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12/2018 ước tính đạt 21,00 tỷ USD, giảm 3,4% so với tháng trước.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng 11/2018 đạt 21.747 triệu USD, cao hơn 147 triệu USD so với số ước tính. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12/2018 ước tính đạt 21,00 tỷ USD, giảm 3,4% so với tháng trước.

Tính chung cả năm 2018, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 244,72 tỷ USD, tăng 13,8% so với năm

2017, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 69,20 tỷ USD, tăng 15,9%, chiếm 28,3% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 175,52 tỷ USD, tăng 12,9%, chiếm 71,7% (giảm 0,6 điểm phần trăm so với năm 2017). Năm 2018, khu vực kinh tế trong nước chuyển biến tích cực khi đạt tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cao hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu tăng lên so với năm 2017.

Trong năm 2018 có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm tới 91,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, trong đó 9 mặt hàng đạt trên 5 tỷ USD và 5 mặt hàng đạt trên 10 tỷ USD, **trong đó:** Điện thoại và linh kiện đạt 50 tỷ USD, tăng 10,5%; hàng dệt may đạt 30,4 tỷ USD, tăng 16,6%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 29,4 tỷ USD, tăng 13,4%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 16,5 tỷ USD, tăng 28%; giày dép đạt 16,3 tỷ USD, tăng 11%. Nhìn chung, tỷ trọng xuất khẩu của một số mặt hàng chủ lực vẫn thuộc về khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó: Điện thoại và linh kiện chiếm 99,7%; điện tử, máy tính và linh kiện 95,6%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 89,1%; hàng dệt may 59,9%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng nông sản, thủy sản trong năm 2018 cũng tăng khá: Thủy sản đạt 8,8 tỷ USD, tăng 6,3%; rau quả đạt 3,8 tỷ USD, tăng 9,2%; cà phê đạt 3,5 tỷ USD, tăng 1,2% (lượng tăng 20,1%); gạo đạt 3,1 tỷ USD, tăng 16% (lượng tăng 4,6%). Một số mặt hàng nông sản tuy lượng xuất khẩu tăng nhưng do giá xuất khẩu bình quân giảm nên kim ngạch giảm so với năm trước: Hạt điều đạt 3,4 tỷ USD, giảm 3,9% (lượng tăng 6,2%); cao su đạt 2,1 tỷ USD, giảm 6,1% (lượng tăng 14,5%); hạt tiêu đạt 757 triệu USD, giảm 32,2% (lượng tăng 8,1%). Dầu thô tính chung cả năm 2018 tiếp tục giảm mạnh về cả lượng và kim ngạch xuất khẩu so với năm trước: Kim ngạch xuất khẩu dầu thô đạt 2,3 tỷ USD, giảm 21,2% (lượng giảm 39,5%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm 2018, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 123,7 tỷ USD, tăng 15,9% so với năm trước; chiếm 50,5% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu (tăng 0,9 điểm phần trăm so với năm 2017), trong đó mặt hàng điện thoại và linh kiện đạt 50 tỷ USD, tăng 10,5% và chiếm 20,4%. Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước tính đạt 90,2 tỷ USD, tăng 12,6% và chiếm 36,9% (giảm 0,3 điểm phần trăm). Nhóm hàng nông, lâm sản đạt 22 tỷ USD, tăng 10% và chiếm 9% (giảm 0,3 điểm phần

trăm). Nhóm hàng thủy sản đạt 8,8 tỷ USD, tăng 6,3% và chiếm 3,6% (giảm 0,3 điểm phần trăm).

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong tháng qua. Tiếp đến là EU, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng 11/2018 đạt 21.594 triệu USD, thấp hơn 406 triệu USD so với số ước tính. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Mười Hai ước tính đạt 21,20 tỷ USD, giảm 1,8% so với tháng trước.

Tính chung cả năm 2018, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 237,51 tỷ USD, tăng 11,5% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 94,80 tỷ USD, tăng 11,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 142,71 tỷ USD, tăng 11,6%. Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu cả năm tăng 9,5% so với năm 2017.

Trong năm 2018 có 36 mặt hàng ước tính kim ngạch nhập khẩu đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 90,4% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó có 4 mặt hàng trên 10 tỷ USD, chiếm 44,3%. Nhiều mặt hàng phục vụ sản xuất, gia công, lắp ráp trong nước có kim ngạch tăng so với năm trước: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 42,5 tỷ USD, tăng 12,5%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 33,7 tỷ USD, giảm 0,5%; điện thoại và linh kiện đạt 16 tỷ USD, giảm 2,6%; vải đạt 12,9 tỷ USD, tăng 13,5%; sắt thép đạt 9,9 tỷ USD, tăng 9%; chất dẻo đạt 9,1 tỷ USD, tăng 20%; xăng dầu đạt 7,6 tỷ USD, tăng 7,8%; kim loại thường đạt 7,3 tỷ USD, tăng 24,9%; sản phẩm chất dẻo đạt 5,9 tỷ USD, tăng 8,1%; nguyên phụ liệu dệt may, giày dép đạt 5,7 tỷ USD, tăng 5,7%; hóa chất đạt 5,2 tỷ USD, tăng 25,2%.

Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu năm 2018, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 217 tỷ USD, tăng 12% so với năm 2017 và chiếm 91,4% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu (tăng 0,4 điểm phần trăm so với năm 2017), trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 101 tỷ USD, tăng 4,1% và chiếm 42,5% (giảm 3 điểm phần trăm); nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu đạt 116 tỷ USD, tăng 19,8% và chiếm 48,9% (tăng 3,4 điểm phần trăm). Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 20,5 tỷ USD, tăng 6,8% và chiếm 8,6% (giảm 0,4 điểm phần trăm).

Về thị trường nhập khẩu trong tháng, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam. Tiếp đến là Hàn Quốc, ASEAN, Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ.

Kim ngạch xuất khẩu tăng nên cán cân thương mại tháng Mười Một xuất siêu 153 triệu USD; tháng Mười Hai ước tính nhập siêu 200 triệu USD. Tính chung cả năm 2018 tiếp tục xuất siêu 7,2 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,6 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 32,8 tỷ USD.

Tính chung trong năm 2018, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài là 35,46 tỷ USD, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Theo Cục đầu tư nước ngoài, tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2018, cả nước có 3.046 dự án mới được cấp GCNĐKĐT với tổng vốn đăng ký cấp mới gần 18 tỷ USD, bằng 84,5% so với cùng kỳ năm 2017; có 1.169 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm 7,59 tỷ USD, bằng 90,3% so với cùng kỳ năm 2017. Cũng trong 12 tháng năm 2018, cả nước có 6.496 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị vốn góp 9,89 tỷ USD, tăng 59,8% so với cùng kỳ 2017.

Theo đối tác đầu tư: Tháng 12 năm 2018 có 112 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Nhật Bản là nước dẫn đầu, Hàn Quốc đứng vị trí thứ hai, Singapore đứng vị trí thứ 3.

Theo lĩnh vực đầu tư: Tháng 12 năm 2018 nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài nhất. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản đứng thứ hai. Đứng thứ 3 là lĩnh vực bán buôn, bán lẻ.

Theo địa bàn đầu tư: Tháng 12 năm 2018 nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 59 tỉnh thành phố, trong đó Hà Nội là địa phương thu hút nhiều vốn ĐTNN nhất, TP. Hồ Chí Minh đứng thứ 2, Hải Phòng đứng thứ 3.

Một số dự án lớn được cấp phép trong năm 2018

- Dự án Thành phố thông minh tại xã Hải Bối, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 14/7/2018 Vĩnh Ngọc, Đông Anh Hà Nội, tổng vốn đầu tư 4,138 tỷ USD do Sumitomo Corporation (Nhật Bản) đầu tư với mục tiêu xây dựng khu đô thị thông minh, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội...
- Dự án Nhà máy sản xuất polypropylene (PP) và kho ngầm chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) tại Việt Nam, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 30/5/2018

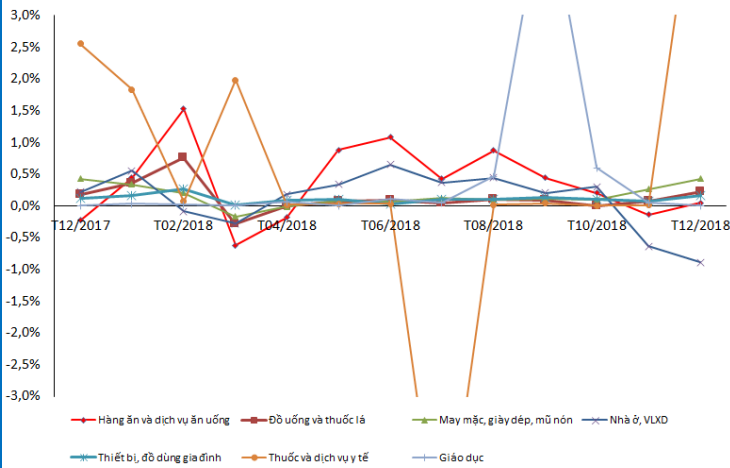
với tổng vốn đầu tư đăng ký 1,201 tỷ USD do HYOSUNG CORPORATION (Hàn Quốc) đầu tư tại Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Dự án Công ty TNHH Laguna (Việt Nam), cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 07/03/2007 do nhà đầu tư Singapore đầu tư tại Thừa Thiên Huế đã điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm 1,12 tỷ USD vào ngày 25/5/2018.
- Dự án nhà máy LG Innitek Hải Phòng (Hàn Quốc), cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 01/9/2016 với mục tiêu Sản xuất mô đun Camera điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm 501 triệu USD vào ngày 23/2/2018.
- Dự án LG Display Hải Phòng (Hàn Quốc), cấp phép ngày 15/4/2016 tại Hải Phòng điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm 500 triệu USD vào ngày 9/8/2018.

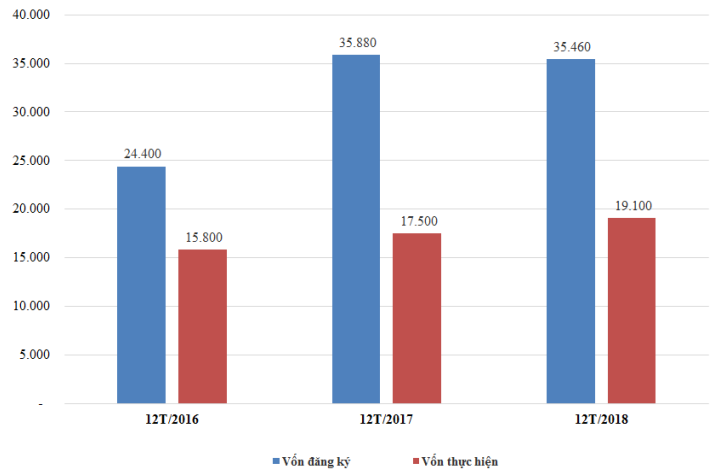
(FPTS Tổng hợp)

Thông số vĩ mô

Biến động chỉ số giá các nhóm ngành

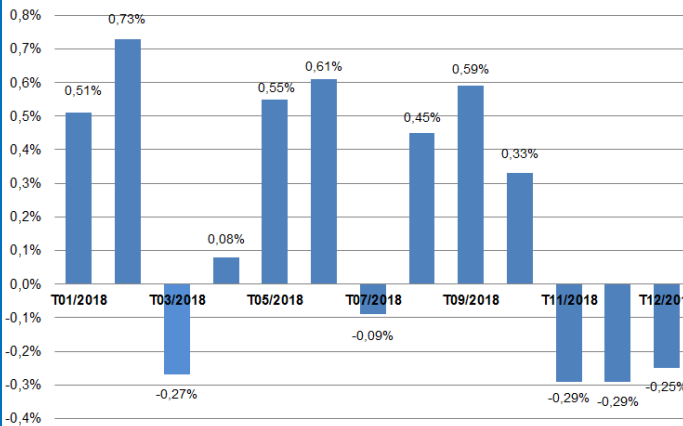


Vốn FDI qua các năm

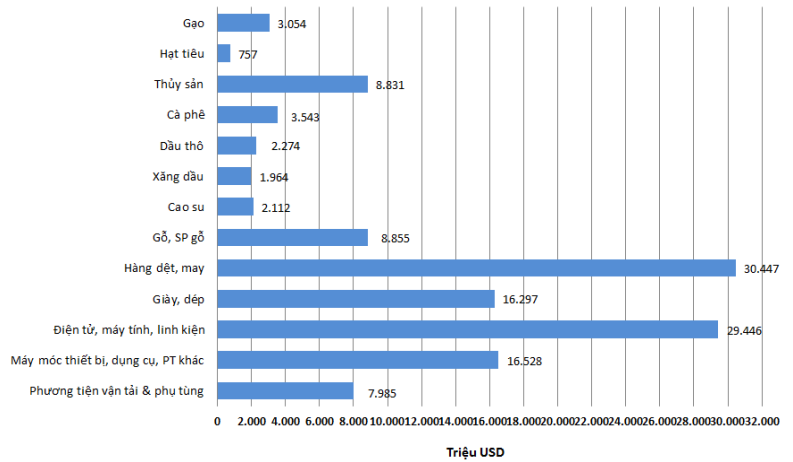


Nguồn: GSO, FIA

Mức tăng CPI qua các tháng

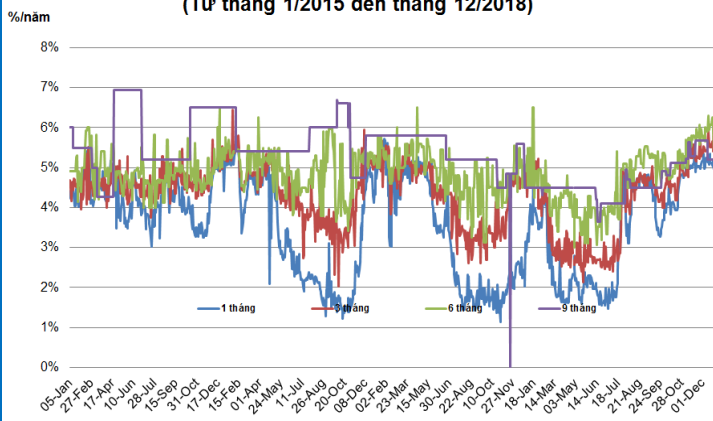


Kim ngạch xuất khẩu năm 2018

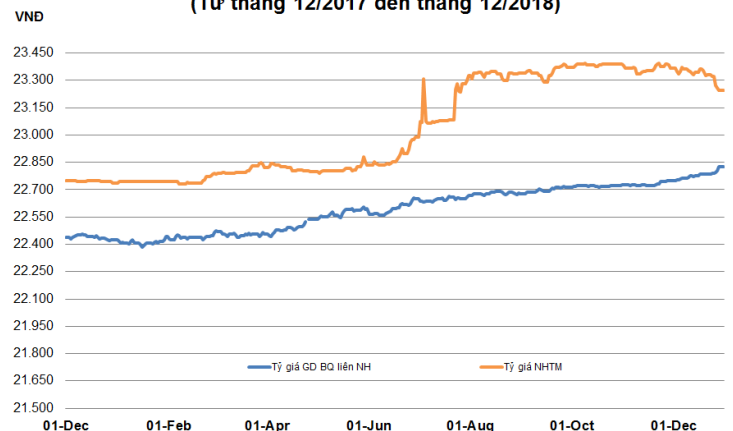


Nguồn: GSO

Biến động Lãi suất bình quân liên Ngân hàng (Từ tháng 1/2015 đến tháng 12/2018)



Biến động tỷ giá BQ liên NH và tỷ giá NHTM (Từ tháng 12/2017 đến tháng 12/2018)



Nguồn: SBV, VCB

Khi tín dụng bất động sản dần bị siết lại

Khi cho vay bất động sản gặp khó, nhiều ngân hàng sẽ có xu hướng chuyển sang tập trung vào các phân khúc khách hàng bán lẻ.

Theo dự tính, từ đầu năm 2019, tín dụng cho vay lĩnh vực bất động sản sẽ có nhiều thay đổi. Điều này xuất phát từ hai quy định quan trọng: 1) Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nâng hệ số rủi ro cho vay bất động sản từ mức 200% hiện nay lên mức 250% và (2) tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn giảm từ mức 45% về còn 40% theo quy định của Thông tư 19/2017/TT-NHNN. Cả hai quy định mới trên, về cơ bản sẽ đều “siết lại” dòng vốn chảy vào lĩnh vực bất động sản. Nâng hệ số rủi ro lên đồng nghĩa với hệ số an toàn vốn (CAR) của các ngân hàng sẽ suy giảm (trong bối cảnh đa phần các ngân hàng hiện nay đều chưa đảm bảo được CAR theo tiêu chuẩn Basel II) nếu cứ tiếp tục đẩy mạnh cho vay bất động sản. Giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn đương nhiên sẽ khiến các ngân hàng phải cân nhắc giảm cho vay bất động sản vì tín dụng lĩnh vực này hầu hết là trung và dài hạn.

Nhìn lại trong quá khứ thì cả hai tỷ lệ nêu trên đều đã có nhiều lần thay đổi. Hệ số rủi ro đối với cho vay kinh doanh bất động sản từng được quy định là 100% theo Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN của NHNN. Đến năm 2010, nó đã được tăng lên 250% theo Thông tư số 13/2010/TT-NHNN, rồi sau bốn năm (2014), lại được giảm xuống 100% theo Thông tư số 36/2014/TT-NHNN. Đến năm 2016, NHNN lại ban hành Thông tư số 06/2016/TT-NHNN, trong đó quy định hệ số rủi ro cho vay bất động sản sẽ được giữ ở mức 150% đến hết năm 2016 sau đó nâng lên mức 200% kể từ 1-1-2017.

Còn đối với tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, tỷ lệ ban đầu là 60% và được giảm theo lộ trình, đến Thông tư 19/2017/TT-NHNN thì chính thức chốt tỷ lệ này sẽ được giảm về mức 40% kể từ đầu năm 2019.

Như vậy, có thể thấy, trong 10 năm qua, NHNN đã ban hành, điều chỉnh các chính sách theo hướng khuyến khích hay hạn chế cấp vốn cho hoạt động kinh doanh bất động sản tùy thuộc vào yêu cầu quản lý rủi ro của toàn bộ hệ thống ngân hàng cũng như diễn biến của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, nếu nhìn từ khía cạnh thị trường thì chính sách biến động có phần hơi nhiều và tương đối nhanh (khoảng hai năm một lần).

Các ngân hàng sẽ chuyển hướng kinh doanh?

Việc tăng hệ số rủi ro có tác động trực tiếp đến hoạt động cho vay kinh doanh bất động sản. Theo thống kê của NHNN, tỷ lệ vốn cho vay lĩnh vực bất động sản hiện nay chỉ chiếm khoảng 7% tổng dư nợ toàn hệ thống. Tuy nhiên, theo ý kiến của nhiều chuyên gia thì đây mới là phần cho vay kinh doanh bất động sản, tức chủ yếu từ phía cung (các chủ đầu tư hoặc những nhà đầu tư, đầu cơ mua đi bán lại) mà chưa có các khoản cho vay mua, sửa chữa nhà ở của người dân (tức từ phía cầu). Nếu tính cả tín dụng cho phía cầu này thì dư nợ cho vay bất động sản ước tính phải lên đến 17-18% tổng dư nợ (một tỷ lệ không hề nhỏ và tiềm ẩn nhiều rủi ro). Dù NHNN cho rằng không thể đánh đồng tín dụng cho vay kinh doanh bất động sản và tín dụng mua, sửa chữa nhà ở do nguồn thu của hai đối tượng vay khác nhau, dẫn đến rủi ro không giống nhau nhưng qua việc ban hành các mức tỷ lệ như trên, có thể thấy, nhà điều hành cũng đã có sự thận trọng nhất định đối với lĩnh vực này.

Về phía các ngân hàng, hạn chế cho vay bất động sản gần như sẽ trở thành xu hướng ngày càng rõ nét kể từ đầu năm 2019, ngoại trừ những ngân hàng nào có tiềm lực về vốn, giúp hệ số CAR không bị ảnh hưởng nhiều do việc tăng hệ số rủi ro lên mức 250% nêu trên (chủ yếu sẽ là một vài ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân có quy mô khá lớn như Techcombank, VPBank, MB...). Nếu vẫn muốn duy trì cho vay bất động sản, đa phần các ngân hàng sẽ phải tìm mọi cách tăng vốn hoặc ngắn hạn hơn là tăng lãi suất ở cả kỳ hạn ngắn và kỳ hạn dài (nhằm tăng nguồn vốn huy động) để đảm bảo tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn giảm xuống mức 40% mà không phải cắt giảm các khoản tín dụng trung và dài hạn. Điều này dường như đang diễn ra khi khá nhiều ngân hàng đã điều chỉnh tăng lãi suất huy động thời gian gần đây.

Một hệ quả khác khi tín dụng bất động sản bị “siết lại” là sự gia tăng cạnh tranh trong mảng ngân hàng bán lẻ. Khi cho vay bất động sản gặp khó, nhiều ngân hàng sẽ có xu hướng chuyển sang tập trung vào các phân khúc khách hàng bán lẻ. Mảng bán lẻ vốn có biên lợi nhuận cao sẽ có nhiều cạnh tranh hơn khiến mặt bằng NIM (tỷ lệ thu nhập lãi cận biên) của ngành nhìn chung sẽ còn ít dư địa cải thiện.

Linh Trang – Thời báo kinh tế Sài Gòn

“Năm 2019, áp lực lên lãi suất và tỷ giá sẽ giảm thiểu”

Áp lực lên lãi suất và tỷ giá USD/VND năm 2019 được dự báo sẽ giảm thiểu và có chiều hướng thuận lợi...

Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia vừa công bố báo cáo tổng quan thị trường tài chính Việt Nam năm 2018, cùng một số dự báo cơ bản cho năm 2019.

Báo cáo trên cho biết, trong năm 2018, tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán (M2) và tín dụng đều có xu hướng giảm.

Đến cuối năm 2018, M2/GDP ước khoảng 168%, tăng thấp hơn so với bình quân giai đoạn 2012-2016. Tín dụng năm 2018 ước tăng 14 - 15%, thấp hơn 3 - 4 điểm phần trăm so với năm 2017. Tỷ lệ tín dụng/GDP khoảng 134%. Hệ số chênh lệch tín dụng/GDP tăng 1,7 điểm % so với cùng kỳ năm 2017, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2015.

Với diễn biến trên, cung tiền và tín dụng cho thấy đang dần được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo mục tiêu ổn định vĩ mô.

Cũng theo báo cáo, trong năm 2018, thanh khoản của hệ thống tổ chức tín dụng vẫn được đảm bảo mặc dù kém dồi dào hơn vào cuối năm. Nguồn vốn huy động toàn hệ thống ước tăng tương đương năm 2017; hệ số cho vay so với huy động (LDR) khoảng 87,5% (năm 2017: 87,8%).

Trong nửa đầu năm 2018, thanh khoản hệ thống tổ chức tín dụng khá dồi dào do được hỗ trợ từ việc Ngân hàng Nhà nước mua được lượng lớn ngoại tệ. Tuy nhiên, từ cuối tháng 7/2018, thanh khoản kém dồi dào hơn chủ yếu do áp lực từ phía tỷ giá và nhu cầu về vốn cuối năm tăng cao.

Lãi suất trên thị trường tiền gửi của khách hàng tổ chức kinh tế và cá nhân tăng. Lãi suất tiền gửi bình quân tăng từ 5,11% năm 2017 lên 5,25% năm. Lãi suất cho vay bình quân khoảng 8,91%/năm (năm 2017: 8,86%).

Theo Ủy ban Giám sát, lãi suất có xu hướng tăng chủ yếu do kỳ vọng lạm phát tăng trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới biến động, và do các tổ chức tín dụng cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong năm 2019 như tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm xuống 40% và chuẩn bị tăng vốn cấp 2 theo Basel 2.

Nhưng năm 2019, báo cáo trên đưa ra dự báo, lãi suất có thể có những yếu tố thuận lợi do áp lực lạm phát có

thể giảm bớt khi giá dầu thế giới không biến động nhiều; cùng đó, đồng USD dự báo suy yếu làm giảm áp lực từ phía tỷ giá.

Về tỷ giá, trong năm 2018, tỷ giá trung tâm tăng khoảng 1,5% so với đầu năm, tỷ giá ngân hàng thương mại tăng khoảng 2,8% và tỷ giá thị trường tự do tăng khoảng 3,5% so với đầu năm.

Nguyên nhân chủ yếu khiến tỷ giá trong nước tăng, theo Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia, xét yếu tố quốc tế, chỉ số USD index tăng khoảng 5% so với đầu năm, tăng 9% so với mức đáy hồi tháng 2/2018; xét yếu tố cơ bản trong nước, tỷ giá vẫn chịu áp lực từ phía lạm phát song lại được hỗ trợ tích cực từ phía cân đối cung cầu ngoại tệ.

Năm 2019, Ủy ban dự báo, áp lực lên tỷ giá được giảm thiểu do các yếu tố tác động trong nước và quốc tế đang có chiều hướng thuận lợi hơn so với dự báo.

Cụ thể, khả năng USD sẽ không tăng nhiều thậm chí có thể suy yếu hơn; lạm phát trong nước có khả năng kiểm soát khoảng 4% do giá hàng hóa thế giới tăng không lớn, áp lực lên tỷ giá giảm bớt.

Nhật Nam – Vneconomy

I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

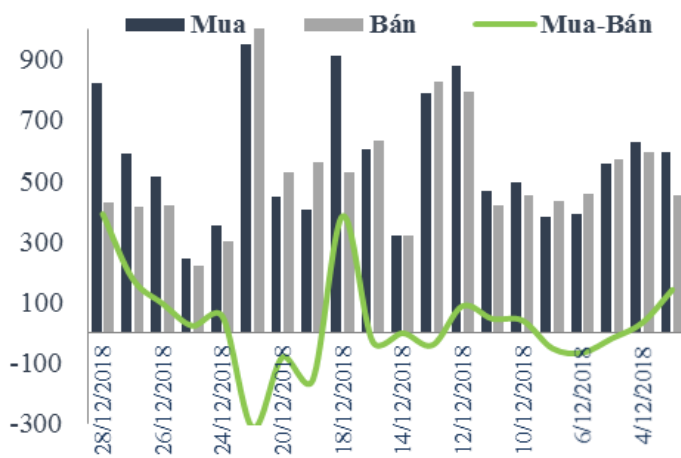
A. Tổng hợp thị trường

Biến động thị trường tháng 12/2018

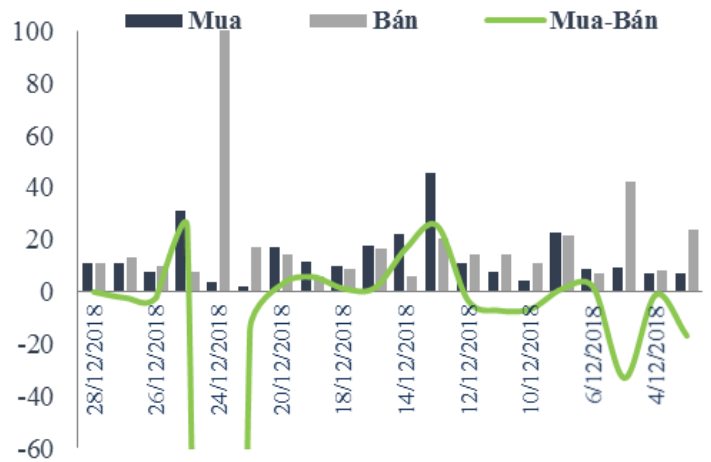
Chỉ tiêu	ĐVT	VN-Index	HNX-Index	UPCOM-Index
Chỉ số đầu tháng	Điểm	951,59	107,64	53,06
Chỉ số cuối tháng	Điểm	892,54	104,23	52,83
Tăng/giảm chỉ số trong tháng	Điểm	-59,05	-3,41	-0,23
Tỷ lệ tăng/giảm chỉ số	%	-6,21%	-3,17%	-0,43%
Tổng khối lượng giao dịch	Triệu cổ phiếu	2.717,0	767,3	248,2

Giao dịch NĐTNN trên 2 sàn

Giao dịch NĐTNN sàn HOSE tháng 12/2018



Giao dịch NĐTNN sàn HNX tháng 12/2018



Top 10 mã CP tăng/giảm trên 2 sàn trong tháng 12/2018

Mã CP	Doanh nghiệp	Giá ngày 03/12 (đồng)	Giá ngày 28/12 (đồng)	Thay đổi (%)	Mã CP	Doanh nghiệp	Giá ngày 03/12 (đồng)	Giá ngày 28/12 (đồng)	Thay đổi (%)
HOSE - TOP 10 MÃ CỔ PHIẾU TĂNG TRONG THÁNG					HNX - TOP 10 MÃ CỔ PHIẾU TĂNG TRONG THÁNG				
SJS	CTCP ĐT PT Đô Thị & KCN Sông Đà	15.700	18.900	20,38%	SDA	CTCP Simco Sông Đà	3.000	5.100	70,00%
CMG	CTCP Tập Đoàn Công Nghệ CMC	20.000	24.000	20,00%	PTI	TCT Cổ Phần Bảo Hiểm Bưu Điện	16.000	21.500	34,38%
TMS	CTCP Transimex-SaiGon	23.000	26.700	16,09%	CVN	CTCP Vinam	13.500	17.700	31,11%
NAF	Công ty cổ phần Nafoods Group	13.400	15.500	15,67%	SJC	CTCP Sông Đà 1.01	2.100	2.600	23,81%
ST8	CTCP Siêu Thanh	16.500	19.000	15,15%	VC3	CTCP Xây Dựng Số 3	20.100	24.600	22,39%
BIC	TCT Cổ Phần Bảo Hiểm NH Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam	23.000	26.000	13,04%	API	CTCP ĐT Châu Á - Thái Bình Dương	18.700	22.500	20,32%
NTL	CTCP Phát Triển Đô Thị Từ Liêm	16.850	19.000	12,76%	IDJ	CTCP Đầu Tư IDJ Việt Nam	2.500	3.000	20,00%
HAI	CTCP Nông Dược H.A.I	2.120	2.390	12,74%	VCG	TCT Cổ Phần XNK & Xây Dựng Việt Nam	19.200	22.600	17,71%
AAM	CTCP Thủy Sản MeKong	11.900	13.400	12,61%	TV2	CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 2	112.600	131.800	17,05%
NVT	CTCP BDS Du Lịch Ninh Vân Bay	6.000	6.700	11,67%	G20	CTCP Đầu Tư Dệt May G.Home	600	700	16,67%
HOSE - 10 MÃ CỔ PHIẾU GIẢM MẠNH TRONG THÁNG					HNX - 10 MÃ CỔ PHIẾU GIẢM MẠNH TRONG THÁNG				
IDI	CTCP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia - IDI	10.600	7.170	-32,36%	TST	CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Viễn Thông	10.000	6.700	-33,00%
ASM	CTCP Tập Đoàn Sao Mai	10.400	7.800	-25,00%	SDD	CTCP Đầu Tư & Xây Lấp Sông Đà	2.700	2.000	-25,93%
HOT	CTCP Du Lịch Dịch Vụ Hội An	28.500	21.700	-23,86%	ARM	CTCP Xuất Nhập Khẩu Hàng Không	52.700	39.500	-25,05%
SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn	27.400	21.400	-21,90%	SRB	CTCP Tập Đoàn Sara	2.000	1.600	-20,00%
SMA	CTCP Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn	16.650	13.100	-21,32%	VIG	CTCP CK TM & Công Nghiệp Việt Nam	1.600	1.300	-18,75%
CTG	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	24.150	19.300	-20,08%	BII	CTCP Đầu Tư & Phát Triển Công Nghiệp Bảo Thụ	1.100	900	-18,18%
DLG	CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	1.900	1.520	-20,00%	VND	CTCP Chứng Khoán VNDirect	19.900	16.400	-17,59%
DRH	CTCP Đầu Tư Căn Nhà Mơ Ước	12.600	10.200	-19,05%	HDA	CTCP Hãng Sơn Đông Á	10.500	8.700	-17,14%
TNA	CTCP Thương Mại XNK Thiên Nam	13.700	11.300	-17,52%	ONE	CTCP Truyền Thông Số 1	5.300	4.400	-16,98%
HCM	CTCP Chứng Khoán Tp.Hồ Chí Minh	56.100	46.850	-16,49%	CVT	CTCP CMC	22.700	19.100	-15,86%

(*) Cổ phiếu có thực hiện quyền trong tháng

Đánh giá chỉ số VN-Index và HNX-Index từ 07/01/2019 – 31/01/2019 theo PTKT

VN-Index



HNX-Index



Chỉ số	Kháng cự - Hỗ trợ	Yếu	Mạnh
VN-Index	Kháng cự	908	933
	Hỗ Trợ	860	780
HNX-Index	Kháng cự	107	117
	Hỗ Trợ	100	94

Nhận định VN-Index: 887,44 điểm

Trái ngược hoàn toàn với các dự báo kéo chốt NAV cho năm tài chính 2018, VNI kết thúc năm với mức giảm mạnh từ vùng 96x, xuyên thủng hỗ trợ 935-937 nhanh chóng và cả việc test đáy cũ 880-882 không thành công. Mức thấp nhất được VNI xác lập trong vòng 1 năm qua hình thành ngày 04.01.2019 tại 861.85, tại ngày 04.01 chỉ số cũng xuất hiện phân kỳ dương nhẹ STO, báo hiệu khả năng nhịp hồi quanh 900-908. Kết thúc ngày 08.01 VNI đóng cửa 887.44 điểm, thanh khoản 2 ngày liên tục rất kém chỉ đạt quanh 90M cp. Dòng tiền tham gia thị trường gần như mất hút sau kì cơ cấu quỹ ETF, mức thanh khoản này cũng là 1 trong những tín hiệu đáy ngắn hạn VNI khả năng hình thành, nhưng nếu lượng tiền tham gia thị trường vẫn yếu thì kịch bản khả quan cũng chưa được đề cập đến trong tháng 1,

Chúng tôi dự báo 2 kịch bản cho VNI :

70% kịch bản tăng : VNI khi đó sẽ test 2 mốc kháng cự gần trong tháng 1 vùng 906-908 và mốc kháng cự mạnh tại vùng 933-937, thanh khoản dự kiến quanh TB 20 phiên là > 120M cp/ phiên. Hiện các chỉ báo STO đã cho phân kỳ dương và MACD chuẩn bị tạo đáy, kì vọng sẽ là chỉ báo thứ 2 phân kỳ dương với VNI-index cho nhịp hồi sắp tới.

30% kịch bản giảm : VNI sẽ kiểm tra lại đáy vùng 860-865.

Nhận định HNX-Index: 101,27 điểm

Đóng cửa ngày 08.01.2019 tại 101.27, thanh khoản chỉ còn 23Mcp/ phiên, thấp hơn mốc TB 20 phiên là 28.8M cp, HNX ghi nhận mức thanh khoản giảm mạnh liên tục từ những ngày đầu năm 2019, thậm chí có phiên ngày 02.01 chỉ đạt 19M cp/ phiên.

Dòng tiền hoàn toàn suy yếu, HNX cũng như VNI đang nằm trong xu hướng giảm trung hạn, nằm dưới đường MA 100, chưa có tín hiệu chỉ báo nào kì vọng HNX sẽ có thể hồi phục được trong ngắn hạn. Với bối cảnh chất lượng cp trên HNX không được như mặt bằng chung Hose, khả năng chỉ số này sẽ diễn biến trong tháng 1.2019 như sau :

30% kịch bản sw hẹp : trong vùng 100-107 với mức thanh khoản duy trì kém quanh 20-23M cp/ phiên.

70% kịch bản giảm : khi đó HNX có thể test mốc hỗ trợ mạnh 94-95, tại đây mặt bằng cổ phiếu có thể đủ sức hấp dẫn dòng tiền tham gia mạnh, kì vọng mốc thanh khoản lớn hơn 30M cp / phiên mới có thể đảo chiều mạnh.

Khuyến nghị:

Hiện có rất nhiều cổ phiếu trên TT chạm mốc hỗ trợ 1-2 năm, nhà đầu tư giá trị có thể xem xét giải ngân dần vào những cổ phiếu có mức kì vọng tăng trưởng nhờ hưởng lợi chính sách, những cổ phiếu có câu chuyện thoái vốn năm 2019 (vinachem) hoặc nhóm cổ phiếu thuộc rổ VN30. Các cổ phiếu chú ý có thể xem xét như: GAS, VNM, VGC, KBC, HVN.

B. Thông tin hỗ trợ & tiêu cực

❖ Thông tin hỗ trợ

GDP năm 2018 tăng 7,08%, cao nhất trong 10 năm

GDP quý 4/2018 ước tính tăng 7,31% so với cùng kỳ năm trước, góp phần làm GDP cả năm 2018 tăng 7,08%...

Trong mức tăng chung của GDP năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng cao nhất với 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung.

Số liệu mới nhất từ Tổng cục Thống kê cho biết, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 4/2018 ước tính tăng 7,31% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,9%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,65% và khu vực dịch vụ tăng 7,61%.

Mặc dù tăng trưởng quý 4/2018 thấp hơn tốc độ tăng trưởng quý 4/2017 nhưng cao hơn tăng trưởng quý 4 của các năm 2011-2016.

Còn xét về góc độ sử dụng GDP quý 4/2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,51% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 9,06%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 10,69% và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 9,50%.

Tính chung, GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6% và khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,57% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,28%; khu vực dịch vụ chiếm 41,17%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,98%.

Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2018, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 43,5%, bình quân 3 năm 2016-2018 đạt

43,29%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015.

Hiệu quả đầu tư được cải thiện với nhiều năng lực sản xuất mới bổ sung cho nền kinh tế. Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017 và 5,97 năm 2018, bình quân giai đoạn 2016-2018 hệ số ICOR ở mức 6,17, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015.

Theo VNeconomy.vn

Việt Nam “hút” hơn 35 tỷ USD vốn FDI năm 2018

Ước tính, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân năm 2018 đạt 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2017...

Tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2018 đạt 35,5 tỷ USD, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Theo số liệu mới nhất vừa được Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố, tính đến ngày 20/12/2018, cả nước có 3.046 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, với tổng vốn đăng ký cấp mới gần 18 tỷ USD, bằng 84,5% so với cùng kỳ năm 2017.

Bên cạnh đó, cũng có 1.169 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư, với tổng vốn đăng ký tăng thêm 7,59 tỷ USD, bằng 90,3% so với cùng kỳ năm 2017.

Cũng trong 12 tháng năm 2018, cả nước có 6.496 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị vốn góp 9,89 tỷ USD, tăng 59,8% so với cùng kỳ 2017.

Tính chung trong năm 2018, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài là 35,46 tỷ USD, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Về lĩnh vực đầu tư, trong năm 2018 nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành lĩnh vực tại Việt Nam, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực được đầu tư nhiều nhất. Cụ thể, tổng số vốn đầu tư vào lĩnh vực này đạt 16,58 tỷ USD, chiếm 46,7% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Kinh doanh bất động sản là lĩnh vực thu hút đầu tư lớn thứ hai, với tổng vốn đầu tư 6,6 tỷ USD, chiếm 18,6% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Đứng thứ 3 là lĩnh vực bán buôn, bán lẻ với tổng vốn đầu tư đăng ký là 3,67 tỷ USD, chiếm 10,3% tổng vốn đầu tư đăng ký...

Trong năm 2018 đã có 112 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, Nhật Bản đứng vị trí thứ nhất với tổng vốn đầu tư là 8,59 tỷ USD, chiếm 24,2% tổng vốn đầu tư.

Hàn Quốc đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký 7,2 tỷ USD, chiếm 20,3% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; và Singapore đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký là 5 tỷ USD, chiếm 14,2% tổng vốn đầu tư...

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 59 tỉnh thành phố, trong đó Hà Nội là địa phương thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất với tổng số vốn đăng ký là 7,5 tỷ USD, chiếm 21,2% tổng vốn đầu tư.

Tp.HCM và Hải Phòng đứng thứ 2 và thứ ba, với tổng vốn đăng ký lần lượt là 5,9 tỷ USD và 3,1 tỷ USD, chiếm 16,7% và 8,7% tổng vốn đầu tư.

Theo VNeconomy.vn

Xuất siêu năm 2018 đạt kỷ lục 7,2 tỷ USD

Năm 2018, có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD và có tới 36 mặt hàng trong nhóm nhập khẩu "tỷ đô".

Đây là những con số được Tổng cục Thống kê thông tin tại buổi họp báo Công bố số liệu tình hình kinh tế- xã hội năm 2018 tổ chức chiều 27/12.

Theo ông Nguyễn Bích Lâm, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2018, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 244,72 tỷ USD, tăng 13,8% so với năm 2017, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 69,20 tỷ USD, tăng 15,9%, chiếm 28,3% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 175,52 tỷ USD, tăng 12,9%, chiếm 71,7%. Loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2018 tăng 12,7% so với năm 2017.

Trong năm 2018, có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm tới 91,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, trong đó 9 mặt hàng đạt trên 5 tỷ USD và 5 mặt hàng đạt trên 10 tỷ USD.

Cụ thể như: Điện thoại và linh kiện đạt 50 tỷ USD; hàng dệt may đạt 30,4 tỷ USD; điện tử, máy tính và linh

kiện đạt 29,4 tỷ USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 16,5 tỷ USD; giày dép đạt 16,3 tỷ USD.

Theo đánh giá của Tổng cục Thống kê, nhìn chung, tỷ trọng xuất khẩu của một số mặt hàng chủ lực chủ yếu vẫn thuộc về khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó: Điện thoại và linh kiện (chiếm 99,7%); điện tử, máy tính và linh kiện (95,6%); máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng (89,1%); hàng dệt may (59,9%).

Tuy nhiên, theo Tổng cục Thống kê, xuất khẩu dầu thô tính chung cả năm 2018 đạt 2,3 tỷ USD, giảm mạnh về cả lượng và kim ngạch xuất khẩu so với năm trước.

Ở chiều nhập khẩu, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu cả năm 2018 ước tính đạt 237,51 tỷ USD, tăng 11,5% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 94,80 tỷ USD, tăng 11,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 142,71 tỷ USD, tăng 11,6%. Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu cả năm tăng 9,5% so với năm 2017.

Trong năm 2018, có 36 mặt hàng ước tính kim ngạch nhập khẩu đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 90,4% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó có 4 mặt hàng trên 10 tỷ USD.

Nhiều mặt hàng phục vụ sản xuất, gia công, lắp ráp trong nước có kim ngạch tăng so với năm trước, cụ thể như: điện tử, máy tính và linh kiện đạt 42,5 tỷ USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 33,7 tỷ USD; điện thoại và linh kiện đạt 16 tỷ USD...

Theo ông Nguyễn Bích Lâm, ước tính cả năm 2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa thiết lập mức kỷ lục mới với 482,2 tỷ USD. Cán cân thương mại cả năm 2018 tiếp tục xuất siêu 7,2 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,6 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 32,8 tỷ USD.

“Năm 2018, khu vực kinh tế trong nước chuyển biến tích cực khi đạt tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cao hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu tăng lên so với năm 2017. Năm nay cũng là năm có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay, cao hơn rất nhiều mức xuất siêu 2,1 tỷ USD của năm 2017, vượt xa mục tiêu Quốc hội đề ra là tỷ lệ nhập siêu dưới 3%”, ông Nguyễn Bích Lâm khẳng định./.

Theo vov.vn

❖ Thông tin tiêu cực

Van tín dụng tiếp tục được kiểm soát chặt

Kiểm soát tốt tăng trưởng tín dụng là một trong những điểm tích cực nhất của hệ thống ngân hàng năm 2018

Chỉ nói room cho một số trường hợp đặc biệt

Hiện trên thị trường có thông tin một số ngân hàng được điều chỉnh tăng trưởng tín dụng (TTTD) trong năm 2018. Mặc dù động thái điều chỉnh hạn mức TTTD cho một số ngân hàng, theo đánh giá của giới chuyên môn, cũng là bình thường và ngay từ đầu năm NHNN cũng phát đi thông điệp năm 2018 cơ quan này tiếp tục điều hành tín dụng linh hoạt phù hợp với diễn biến thực tế.

“Đầu năm do nhiều dự báo về áp lực lạm phát, NHNN đã phải chủ động kiểm soát hạn mức TTTD đối với các ngân hàng để điều tiết tổng TTTD cũng như giảm áp lực lên cung tiền. Đến thời điểm này, áp lực lạm phát có vẻ dễ thở hơn trước do giá dầu liên tục giảm... nên NHNN quyết định điều chỉnh chỉ tiêu cho một số ngân hàng cũng là hợp lý. Cách điều hành tín dụng cần trọng như vậy rất tốt”, một thành viên Hội đồng tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia nhận định động thái điều chỉnh chính sách TTTD của NHNN.

Tuy nhiên, trao đổi với phóng viên Thời báo Ngân hàng, lãnh đạo vụ chức năng NHNN cho biết, NHNN điều chỉnh TTTD cho một số ngân hàng. Nhưng hầu hết các ngân hàng này đều đang tham gia tái cơ cấu các ngân hàng yếu kém, và có cải thiện năng lực tài chính rất tích cực.

Tại Chi thị 04/CT-NHNN, Thống đốc NHNN yêu cầu kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng trưởng và chất lượng tín dụng của toàn hệ thống cũng như từng TCTD theo đúng mục tiêu, định hướng đề ra; Không xem xét, điều chỉnh tăng chỉ tiêu TTTD (trừ trường hợp đặc biệt, như một số NHTM tham gia tái cơ cấu trong năm 2018 đối với các TCTD yếu kém). Tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán, BOT, BT giao thông;...

Cũng chính bởi vậy, nếu như những năm trước đây, khoảng cuối quý II, đầu quý III là nhiều nhà băng đã đánh tiếng xin nói room tín dụng. Sau khi trình NHNN, hầu hết các ngân hàng đều được chấp thuận. Nhưng năm nay thì ngược lại, chỉ có một số ít ngân hàng được

nói room và mức độ nói cũng rất nhẹ, từ 14% lên 15% theo mức TTTD chung toàn Ngành đặt ra nên không ảnh hưởng nhiều đến mức tăng trưởng của toàn Ngành.

Vị lãnh đạo vụ chức năng trên cũng bổ sung, việc nói room tín dụng không phải dễ dàng đối với các ngân hàng bởi NHNN kiểm soát rất chặt chất lượng tín dụng và đưa hoạt động tín dụng của các ngân hàng vào khuôn khổ theo hướng chặt chẽ hơn.

Chính bởi vậy, tính đến ngày 12/12/2018, TTTD toàn hệ thống đạt khoảng 12,98% và dự báo cả năm sẽ chỉ tăng dưới 16%. Đặc biệt dòng vốn tín dụng được tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, các ngành sản xuất chế biến chế tạo. Hiện tín dụng cho khu vực NNNT đã tăng hơn 15%, còn tín dụng dành cho lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo cũng khoảng hơn 14% so với cuối năm trước và đều cao hơn mức tăng trưởng chung của toàn Ngành.

Nên tăng ở mức 14-15%

Theo Báo cáo thường niên mới nhất của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, tốc độ tăng cung tiền M2 và tín dụng đều giữ xu hướng giảm. Tỷ lệ M2/GDP đến cuối năm 2018 ước khoảng 168%, tăng thấp hơn so với bình quân giai đoạn 2012-2016. Tín dụng năm 2018 ước tăng 14-15%, thấp hơn 3-4 điểm phần trăm so với năm 2017. Đây cũng là mức thấp nhất từ năm 2015 đến nay.

Sự thận trọng trong TTTD được sự đồng tình của giới chuyên môn. Theo một chuyên gia ngân hàng, việc kiểm soát tốt dòng tín dụng là tín hiệu rất tích cực và phù hợp với diễn biến nền kinh tế. Kinh tế Việt Nam đang có tốc độ tăng trưởng tốt, cơ cấu kinh tế tốt hơn, thâm dụng vốn trong nền kinh tế giảm, nên không có lý do gì để cần phải tăng mạnh tín dụng năm 2019. “Khi thâm dụng tín dụng được cải thiện, thì nên có chính sách TTTD tốt hơn trong dài hạn. Tôi nghĩ TTTD khoảng 15% là hợp lý. Cung tiền, tín dụng cần được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo mục tiêu ổn định vĩ mô”, vị này cho biết.

Cùng quan điểm trên, giảng viên Trường Đại học Fulbright Việt Nam, TS. Nguyễn Xuân Thành cũng cho rằng khác với hai năm trước, tín dụng thường xuyên tăng trên 18%, đẩy tỷ lệ thâm dụng tín dụng lên cao. Nhưng trong năm 2018, về phía cầu, tăng trưởng GDP không cần nhờ nhiều từ tăng trưởng tín dụng. “Chúng tôi cũng như nhiều nhà đầu tư đều cho rằng không thể tiếp tục duy trì tăng trưởng tín dụng ở mức 17-18% đến

năm 2020 sẽ gây mất bình ổn cho nền kinh tế. Việc giữ tăng trưởng tín dụng thấp là cần thiết và cũng là một trong những điểm tích cực nhất trong năm 2018 của hệ thống ngân hàng”, vị chuyên gia này chia sẻ.

Còn nhớ tại Báo cáo Tham Vấn Điều IV 2018 với Việt Nam, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng đánh giá, mục tiêu TTTD thấp hơn 17% đặt ra cho năm 2018 giúp thắt chặt điều kiện tín dụng hơn nhưng vẫn cần phải giảm thêm nữa trong những năm tới. Bởi nếu để TTTD và giá tài sản tăng mạnh có thể sẽ góp phần tạo nên những rủi ro mới trong hệ thống tài chính.

TS. Lê Xuân Nghĩa - Thành viên Hội đồng tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ cũng cho rằng, TTTD duy trì ở mức 14-15% càng lâu càng tốt. Với cách điều hành chính sách tín dụng của NHNN hiện nay, mục tiêu này hoàn toàn có thể đạt được. Như năm 2018, NHNN đặt ra mức 17% nhưng cuối năm tín dụng chỉ tăng 15%, và theo hướng này năm sau có thể thấp hơn. Theo ông, trước diễn biến phức tạp kinh tế thế giới cũng như trong nước cần phải nắm chắc một van an toàn nhất đó chính là van cung tiền. Hiện tại, NHNN đang nắm chắc van này và cần tiếp tục giữ nó không nên quan tâm hay chạy đua theo tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Theo thoibaonganhang.vn

Lo ngại thị trường bất động sản “tăng nóng”, tín dụng bị siết mạnh

Trước đây, việc cho vay ồ ạt dẫn đến “tăng nóng”, nhiều dự án bất động sản đã trở thành món nợ xấu cực kỳ khó giải quyết với nhiều ngân hàng.

Cho vay bất động sản được các chuyên gia ví như con gà đẻ trứng vàng của các tổ chức tín dụng. Trước đây, việc cho vay ồ ạt dẫn đến "tăng nóng", nhiều dự án bất động sản đã trở thành món nợ xấu cực kỳ khó giải quyết với nhiều ngân hàng.

Để bảo đảm an toàn cho sự phát triển của từng thị trường và nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định siết chặt tín dụng đối với thị trường bất động sản và đây là yêu cầu bắt buộc.

Thắt chặt tín dụng

Thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước đã lên tiếng cảnh báo và yêu cầu các ngân hàng phải rất thận trọng khi cho vay đối với lĩnh vực này với yêu cầu thủ tục, điều kiện vay chặt chẽ, đảm bảo khâu đầu vào tốt để hạn chế

rủi ro. Theo đó, các ngân hàng cần phải kiểm soát dòng vốn để đảm bảo người vay sử dụng đúng mục đích.

Thực ra, chủ trương tăng cường kiểm soát lĩnh vực rủi ro, thắt chặt tín dụng vào các lĩnh vực này đã xuất hiện từ vài năm trước, khi thị trường bất động sản vẫn đang phát triển mạnh mẽ và đến đầu năm 2018 thì được triển khai rộng trên thực tế.

Nhìn lại trong quá khứ, tỷ lệ nêu trên đều đã có nhiều lần thay đổi. Hệ số rủi ro đối với cho vay kinh doanh bất động sản từng được quy định là 100% theo Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN của NHNN. Đến năm 2010, nó đã được tăng lên 250% theo Thông tư số 13/2010/TT-NHNN, rồi sau 4 năm (2014), lại được giảm xuống 100% theo Thông tư số 36/2014/TT-NHNN. Đến năm 2016, Ngân hàng Nhà nước lại ban hành Thông tư số 06/2016/TT-NHNN, trong đó quy định hệ số rủi ro cho vay bất động sản sẽ được giữ ở mức 150% đến hết năm 2016 sau đó nâng lên mức 200% kể từ 1/1/2017.

Còn đối với tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, tỷ lệ ban đầu là 60% và được giảm theo lộ trình 45%, đến Thông tư 19/2017/TT-NHNN thì chính thức chốt tỷ lệ này sẽ được giảm về mức 40% kể từ đầu năm 2019 và nâng hệ số rủi ro cho vay bất động sản từ mức 200% hiện nay lên mức 250%.

Lẽ ra quy định tỷ lệ đối đa 40% vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn đã được áp dụng từ năm 2018 nhưng việc giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn quá nhanh sẽ gây khó khăn, áp lực cho các ngân hàng nên Ngân hàng Nhà nước đã giãn lộ trình thực hiện sang đầu năm 2019 để các tổ chức tín dụng có thời gian chuẩn bị.

Báo cáo tài chính của các ngân hàng cho thấy đa số duy trì tỷ lệ cho vay bất động sản dưới 7%. Tỷ lệ này đã giảm rất nhiều so với mức trên 30% vào những năm 2007-2008. Con số do Ngân hàng Nhà nước công bố cũng cho biết, tỷ lệ tín dụng bất động sản trên tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế cuối tháng Sáu chỉ ở mức khoảng 7,5% thấp hơn rất nhiều so với mức 15,8% năm 2017 hay 17,1% vào năm 2016.

Tuy nhiên, tỷ trọng cho vay bất động sản trên tổng dư nợ tín dụng nền kinh tế thực chất là bao nhiêu vẫn còn nhiều tranh cãi. Trong các cuộc họp của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (NFSC), vấn đề tín dụng bất động sản "ẩn nấp" trong tín dụng tiêu dùng đã không dưới 1

lần được đề cập. Giới chuyên gia cũng e ngại, tín dụng bất động sản giảm là do chiêu trò của các nhà băng. Các khoản vay mua nhà trước đây nếu được tính là bất động sản, thì nay lại được đẩy sang cho vay tiêu dùng.

Tiến sĩ Cán Văn Lực, chuyên gia tài chính ngân hàng đã kiến nghị tách các khoản cho vay mua nhà, sửa nhà khỏi tín dụng tiêu dùng và xếp vào cho vay bất động sản kèm theo một số điều kiện.

Ông Lực cho rằng, siết tín dụng bất động sản sẽ không chỉ là tức thời mà là xu hướng trong dài hạn. Cần phát triển các nguồn vốn khác cho thị trường bất động sản thay vì chỉ phụ thuộc vào tín dụng từ ngân hàng.

Đồng tình với quan điểm trên, tiến sĩ Nguyễn Trí Hiếu cho rằng cần siết chặt tín dụng đối với thị trường bất động sản dù sẽ có những tác động không mong muốn đến thị trường này. "Dù chủ trương trên có thể khiến thị trường bất động sản bị co hẹp lại, nhưng mức độ ảnh hưởng là không nhiều thậm chí vẫn có thể hỗ trợ hoạt động xử lý nợ xấu của các ngân hàng tích cực hơn," ông Hiếu nhấn mạnh

Vốn nào cho bất động sản năm 2019?

Cuối tháng Mười, Hiệp hội bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh (HoREA) đã có kiến nghị Ngân hàng Nhà nước cho phép các ngân hàng tiếp tục được sử dụng tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn tối đa 45% trong năm 2019.

Lý do HoREA đưa ra là, theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản, tùy theo quy mô diện tích dự án, chủ đầu tư phải có vốn chủ sở hữu 15% hoặc 20% vốn đầu tư, còn lại 80-85% nhu cầu vốn thì chủ yếu dựa vào nguồn vốn tín dụng ngân hàng và vốn huy động từ khách hàng.

Ngoài ra, việc tìm kiếm nguồn vốn thay thế từ các quỹ đầu tư bất động sản và thị trường chứng khoán vẫn chưa khả quan. Bởi lẽ cho đến nay, bên cạnh vài quỹ đầu tư tài chính nước ngoài, cả nước mới chỉ có 1 quỹ đầu tư bất động sản với số vốn điều lệ rất nhỏ chỉ 50 tỷ đồng nên chưa huy động được nguồn vốn nhân rộng rất lớn trong nước và cũng chưa đáp ứng được nhu cầu vốn rất lớn của thị trường bất động sản.

Tuy nhiên, chuyên gia Nguyễn Trí Hiếu thẳng thắn đưa ra quan điểm, năm 2019, việc Ngân hàng Nhà nước siết tín dụng bất động sản và chứng khoán là rất hợp lý.

"Các ngân hàng phải cẩn trọng để giúp cho thị trường bất động sản được thanh lọc," ông Hiếu khuyến nghị.

Đồng tình với quan điểm trên, lãnh đạo một ngân hàng thương mại cho hay, ngành ngân hàng không nên giãn và hoãn lộ trình siết tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn để hạn chế rủi ro về thanh khoản, cũng như hạn chế việc các ngân hàng đẩy mạnh vốn vào bất động sản, làm gia tăng rủi ro hoạt động ngân hàng.

Chính vì vậy, nhiều doanh nghiệp kinh doanh bất động sản cũng thừa nhận năm 2019, cả người mua nhà lẫn chủ đầu tư sẽ gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận vốn ngân hàng do lãi suất tăng cao và nguồn vốn dành cho bất động sản ít hơn. Việc Ngân hàng Nhà nước siết chặt tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn buộc các ngân hàng co hẹp danh mục dự án bất động sản để tài trợ. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp ngành này cũng đang chuyển hướng sang kênh trái phiếu nhằm huy động vốn cho các dự án sắp tới của mình.

Thực tế, một số doanh nghiệp như Đất Xanh đã gọi vốn thông qua kênh trái phiếu. Hay như Thuduc House cũng đang triển khai kế hoạch phát hành khoảng 300-500 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp nhằm huy động vốn và giảm sự phụ thuộc vào các khoản vay ngân hàng.

Tuy nhiên, chuyên gia cũng cho rằng, việc phát hành cổ phiếu chỉ áp dụng cho những doanh nghiệp có khả năng tài chính tốt, sức khỏe tài chính ổn định, có thị trường ổn định và tỷ lệ sinh lời tốt. Những doanh nghiệp nhỏ không có thị phần, không có báo cáo tài chính kiểm toán độc lập và không có lãi thì bị loại khỏi nguồn vốn cổ phần đó.

"Với doanh nghiệp bất động sản, việc phát hành cổ phiếu có phần khó khăn hơn bởi phần lớn là doanh nghiệp nhỏ lẻ, vốn chủ sở hữu thấp. Vì vậy, cơ hội chỉ thực sự mở ra cho doanh nghiệp có kế hoạch tốt và minh bạch trong hoạt động kinh doanh," tiến sĩ Nguyễn Trí Hiếu cho hay.

Mặc dù vậy, ông Nguyễn Quốc Hùng, Vụ trưởng Vụ các ngành kinh tế Ngân hàng Nhà nước cho biết, những dự án bất động sản tốt ngân hàng vẫn khuyến khích cho vay. Tuy nhiên, các ngân hàng ngày càng khôn ngoan, thẩm định rất kỹ lưỡng khi cho vay dự án bất động sản. Nhiều ngân hàng ngừng cho vay đất nền, còn những dự án có sổ đỏ, quy hoạch có triển vọng thị trường thì vẫn cho vay chứ không phải như trước đây cho vay cả đèn bù giải phóng mặt bằng.

Tổng giám đốc OCB Nguyễn Đình Tùng thì cho biết, hiện tại ngân hàng này vẫn hỗ trợ vốn cho chủ đầu tư triển khai dự án, nhưng chọn lọc khá kỹ và chỉ ưu tiên cho những dự án có nền tảng đầu tư tốt. Tỷ lệ cho vay lĩnh vực bất động sản tại OCB chỉ chiếm 10% trong tổng dư nợ của ngân hàng bán lẻ. Còn so với tổng tín dụng của toàn hệ thống OCB thì tính ra tỷ lệ này rất nhỏ.

Tham khảo tại một số ngân hàng, được biết trước hiện tượng giá bất động sản tăng nóng bất thường hơn một năm qua, nhiều nhà băng đang nâng chuẩn cho vay, thậm chí cũng thắt khe hơn, theo hướng sẽ không cho vay hơn 70% giá trị tổng tài sản, đồng thời tính toán khá chặt chẽ nguồn trả nợ của khách hàng.

Bà Nguyễn Hoài An, đại diện CBRE Việt Nam cho rằng, hiện nhiều ngân hàng tăng lãi suất cho vay bất động sản lên từ 1-2%, theo lộ trình có thể tăng nữa và đây là một trở ngại ảnh hưởng đến bất động sản. Bởi lẽ khi lãi suất tăng thì chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến nhiều kênh đầu tư khác nhau, trong đó có đầu tư bất động sản.

Mặc dù vậy, rõ ràng, việc thắt chặt tín dụng bất động sản là cần thiết để giảm bớt rủi ro cho tất cả các bên tham gia thị trường. Bởi khi chủ đầu tư dùng đòn bẩy tài chính nhiều, nếu dự án hoặc thị trường có biến động tiêu cực sẽ khó tránh khỏi khủng hoảng, đổ vỡ./.

Theo tuoitre.vn

Triển vọng thị trường cao su trung và dài hạn không mấy khả quan

Theo ANRPC, năm 2019 sản xuất cao su thế giới dự báo sẽ tăng 5,8% so với năm 2018, tiêu dùng dự báo đạt 14,73 triệu tấn, tăng 3,6%.

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết, trong 10 ngày đầu tháng 12/2018, giá mù cao su nguyên liệu tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh tăng so với cuối tháng 11/2018. Cụ thể ngày 10/12/2018, Công ty cao su Phú Riềng báo giá thu mua mù tạt và mù nước tăng 4 Đ/độ TSC so với cuối tháng 11/2018, đạt lần lượt 232 Đ/độ TSC và 242 Đ/độ TSC.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cao su trong tháng 11/2018 giảm 1,4% về lượng và giảm 5,4% về trị giá so với tháng 10/2018, đạt 179,66 nghìn tấn, trị giá 223,48 triệu USD, tăng 23,5% về lượng và tăng 4,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2017. Tính từ đầu năm đến hết tháng 11/2018, xuất

khẩu cao su của Việt Nam đạt 1,39 triệu tấn, trị giá 1,88 tỷ USD, tăng 14,8% về lượng, nhưng giảm 6,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2017. Giá xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 11/2018 đạt bình quân 1.243 USD/tấn, giảm 4% so với tháng 10/2018 và giảm 15,1% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong tháng 11/2018, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất, đạt 130,38 nghìn tấn, trị giá 160,1 triệu USD, giảm 0,3% về lượng và giảm 4,9% về trị giá so với tháng 10/2018; nhưng tăng 24% về lượng và tăng 5,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc chiếm 72,6% tổng khối lượng cao su xuất khẩu của cả nước trong tháng 11/2018, tăng so với mức 72,3% của cùng kỳ năm 2017. Tính chung 11 tháng năm 2018, xuất khẩu cao su sang Trung Quốc đạt 923,04 nghìn tấn, trị giá 1,22 tỷ USD, tăng 17,5% về lượng, nhưng giảm 4,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2017. Giá xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc trong 11 tháng năm 2018 bình quân ở mức 1.330,7 USD/tấn, giảm 18,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong tháng 11/2018, lượng cao su xuất khẩu sang hầu hết thị trường lớn còn lại tăng so với cùng kỳ năm 2017 như Ấn Độ tăng 140,8%, Mỹ tăng 65,1%, Hàn Quốc tăng 25,3%, Malaysia tăng 82,1%...

Theo Hiệp hội các nước sản xuất Cao su tự nhiên (ANRPC), năm 2019 sản xuất cao su thế giới dự báo sẽ tăng 5,8% so với năm 2018, lên 14,69 triệu tấn, tiêu dùng dự báo đạt 14,73 triệu tấn, tăng 3,6%. Năm 2018, mặc dù tiêu thụ cao su tự nhiên ước tính ở mức 14,21 triệu tấn, cao hơn so với sản lượng 13,89 triệu tấn, nhưng vẫn chưa tạo ra sự chênh lệch lớn về cung - cầu để hỗ trợ giá. Năm 2019, giá cao su tự nhiên sẽ chịu tác động của diễn biến giá dầu trên thị trường thế giới. Nếu giá dầu đi lên, giá cao su sẽ có cơ hội tăng.

Trong dài hạn (từ 3 đến 10 năm tới), nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên trên toàn cầu sẽ tăng, hỗ trợ giá cao su. Tuy nhiên, giá sẽ không tăng quá cao. Những nước sản xuất cao su hàng đầu bao gồm Thái Lan, Malaysia và Indonesia dự kiến sẽ họp vào ngày 16/12/2018 để thảo luận về các biện pháp hỗ trợ giá, bao gồm cả khả năng hạn chế xuất khẩu.

Theo iasvn.org

Bản tin phát luật tháng 12/2018

❖ Chính phủ ban hành Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 quy định phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Nghị định này quy định, trái phiếu doanh nghiệp phát hành tại thị trường trong nước có mệnh giá là 100.000 đồng hoặc là bội số của 100.000 đồng. Nếu phát hành ra thị trường quốc tế, mệnh giá được thực hiện theo quy định của thị trường phát hành.

Trái phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử; Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt phát hành theo quy định tại thị trường phát hành.

Đáng chú ý, Nghị định này quy định trái phiếu doanh nghiệp bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 01 năm, kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định.

(Nguồn: luatvietnam.vn)

❖ Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Theo quy định tại Thông tư này, giá dịch vụ đăng ký niêm yết chứng khoán tại thị trường chứng khoán cơ sở dao động từ 02 - 10 triệu đồng, trong đó:

- Giá dịch vụ đăng ký niêm yết lần đầu với cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ đầu tư, công cụ nợ là 10 triệu đồng;
- Giá dịch vụ đăng ký niêm yết lần đầu với chứng quyền có bảo đảm là 05 triệu đồng;
- Giá dịch vụ thay đổi đăng ký niêm yết với cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ đầu tư, công cụ nợ là 05 triệu đồng/lần thay đổi đăng ký niêm yết;
- Giá dịch vụ thay đổi đăng ký niêm yết với chứng quyền có bảo đảm là 02 triệu đồng/lần thay đổi đăng ký niêm yết.
- Giá dịch vụ áp dụng tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam được quy định như sau:
- Giá dịch vụ quản lý thành viên lưu ký: 20 triệu đồng/năm;
- Giá dịch vụ đăng ký chứng khoán lần đầu từ 10 - 20 triệu đồng, tùy thuộc giá trị đăng ký chứng khoán...

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2019.

(Nguồn: www.ssc.gov.vn)

❖ Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam

Theo đó, giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ mở, quỹ ETF tối đa mà các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại cung cấp theo quy định trong Biểu giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư (Biểu giá) là 5%/giá trị giao dịch.

Biểu giá chỉ quy định mức giá tối đa hoặc khung giá dùng làm căn cứ để các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quyết định mức giá cụ thể phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và quy định của pháp luật. Giá trong biểu giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các dịch vụ khác không quy định tại Biểu giá, các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán được tự định giá dịch vụ do mình cung ứng phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và quy định của pháp luật

Bộ Tài chính cũng yêu cầu các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán phải thực hiện niêm yết giá, công khai giá dịch vụ của mình.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 15/02/2019.

(Nguồn: www.ssc.gov.vn)

LẬP BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN: MỘT SỐ ĐIỂM CẦN HOÀN THIỆN(*)

Kết quả vòng chấm sơ khảo Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết cho thấy, trong báo cáo thường niên của một số doanh nghiệp, nội dung về tác động đến môi trường và xã hội chưa đầy đủ, hoặc chưa biết cách trình bày, hay báo cáo đánh giá của ban giám đốc có những điểm không được phân tích kỹ...

Năm 2018, Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên (Vietnam Annual Report Awards) được đổi tên thành Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (Vietnam Listed Company Awards). Điểm mới nổi bật năm nay đó là đối tượng tham gia cuộc bình chọn bao gồm các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), thuộc rổ chỉ số VNX-Allshare và được chia thành 3 nhóm theo quy mô vốn hóa thị trường (lớn, vừa và nhỏ), thay vì chấm toàn bộ như mọi năm, nhằm tạo cơ hội cho các doanh nghiệp có quy mô vốn vừa và nhỏ tham gia cạnh tranh giải và có cơ hội được tôn vinh.

Đối với giải báo cáo thường niên năm nay, các báo cáo hợp lệ là những báo cáo thuộc năm tài chính 2017, được công bố chính thức và nộp đúng hạn theo quy định hiện hành cho Sở giao dịch chứng khoán, đồng thời doanh nghiệp không bị xử lý về công bố thông tin từ mức độ “nhắc nhở trên toàn thị trường” trở lên.

Cuộc bình chọn được thực hiện một cách nghiêm túc và khắt khe với 2 vòng chấm sơ khảo và chung khảo. Bộ câu hỏi chấm năm nay có tổng số 105 câu, bao gồm 10 câu cho phần hình thức và 95 câu hỏi nội dung xoay quanh các vấn đề về tình hình chung của công ty, tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh trong năm, các báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội, đánh giá của ban giám đốc, hội đồng quản trị, ban kiểm soát...

Cấu thành điểm của một báo cáo gồm 25% tổng điểm cho phần hình thức (tối đa là 19 điểm) và 75% tổng điểm cho phần nội dung báo cáo (tối đa là 104 điểm). Bộ câu hỏi chấm năm nay có bổ sung một số câu hỏi liên quan đến môi trường, ví dụ: mức năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả, hệ thống quản lý môi trường (EMS) được cơ quan kiểm định chấp thuận, đánh giá rủi ro/tác động giữa hoạt động cốt lõi của công ty với môi trường, hệ thống xử lý nước thải, rác nội bộ, chất thải rắn...

Dựa trên danh sách đề cử vào vòng chung khảo của các Sở giao dịch chứng khoán, Ban tổ chức mời 4 công ty kiểm toán hàng đầu là Deloitte, EY, KPMG và PWC thực hiện soát xét lại kết quả chấm sơ khảo.

Đối với HNX, năm nay có 180 doanh nghiệp niêm yết đủ điều kiện như Ban tổ chức đưa ra để tham gia chấm giải. Trong Top 30 doanh nghiệp niêm yết lọt vào vòng chung khảo, có 4 doanh nghiệp thuộc nhóm quy mô lớn, 6 doanh nghiệp thuộc nhóm quy mô vừa và 19 doanh nghiệp thuộc nhóm quy mô nhỏ. Trong số đó, một số doanh nghiệp có số điểm chấm sơ khảo báo cáo thường niên cao ở cuộc bình chọn năm ngoái tiếp tục có mặt trong danh sách năm nay như BVS, ACB, VCS, PGS, NTP, TNG, SHS, SHB...

Các doanh nghiệp niêm yết có điểm chấm sơ khảo báo cáo thường niên cao không những nắm chắc các quy định hiện hành liên quan đến hướng dẫn lập báo cáo thường niên, mà còn hướng tới các chuẩn mực quốc tế trong lập báo cáo thường niên, đồng thời biết chú trọng, đầu tư cả về chất lượng nội dung và hình thức báo cáo. Ngoài việc lập báo cáo thường niên theo mẫu và theo hạn nộp đúng quy định, các doanh nghiệp còn chú trọng đến việc đầu tư về hình thức.

Đối với những doanh nghiệp này, báo cáo thường niên không chỉ đơn thuần là một báo cáo mô tả về doanh nghiệp, về những điều mà doanh nghiệp đã làm, đã đạt được trong năm, mà còn được nâng lên như một ấn phẩm mang đầy nhiệt huyết nhằm giới thiệu, quảng bá tới toàn bộ nhà đầu tư, tới thị trường, tới đối tác về hình ảnh một doanh nghiệp năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp và tin cậy. Trong báo cáo thường niên có thể thấy slogan, thông điệp của báo cáo, định hướng mà doanh nghiệp muốn hướng đến. Điều này không chỉ khiến cho báo cáo trở nên hấp dẫn, thú vị, mà còn thể hiện sự chân thành, tôn trọng các nhà đầu tư.

Tuy nhiên, trên thực tế, không ít doanh nghiệp cho rằng, việc lập báo cáo thường niên đơn giản chỉ để cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC, các thông tin chỉ cần điền theo đúng mẫu quy định, thậm chí có báo cáo được viết theo dạng gạch đầu dòng rất giản tiện. Do vậy, mặc dù có thể đúng mẫu,

nhưng những thông tin chứa đựng trong báo cáo thường niên đó rất sơ sài và nghèo nàn, không phản ánh được những gì mà công ty đang làm và muốn hướng đến.

Một số thông tin về chiến lược trung và dài hạn của công ty, những rủi ro công ty có thể gặp phải, phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt được kế hoạch đề ra, một số các vấn đề liên quan đến môi trường... chưa được nêu một cách chi tiết trong báo cáo thường niên. Có thể do tâm lý của doanh nghiệp còn e ngại, chưa muốn chia sẻ thông tin, hoặc doanh nghiệp chưa chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, hoặc doanh nghiệp còn nhiều băn khoăn, không muốn đề cập đến tình hình sản xuất - kinh doanh không được như mong muốn.

Vì vậy, phần chấm này thường đạt điểm không cao và cũng không nhiều doanh nghiệp phân tích cụ thể những nội dung đó. Cũng như năm ngoái, một phần mà các doanh nghiệp cũng dễ bị mất điểm là về các nội dung trọng yếu trong báo cáo đánh giá của ban giám đốc. Cụ thể, thiếu đánh giá hoặc chưa có đánh giá, phân tích chuyên sâu về hiệu quả sử dụng tài sản, các khoản phải thu xấu, phải trả xấu và tài sản xấu, ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh, ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay, phương án phát triển ngắn, trung và dài hạn.

Bên cạnh đó, nhiều báo cáo có nội dung về tác động đến môi trường và xã hội chưa đầy đủ. Đây vẫn là một điểm yếu của nhiều doanh nghiệp niêm yết trên HNX khi chưa biết cách trình bày báo cáo tác động đến môi trường và xã hội, dẫn đến điểm trung bình bị thấp.

Với mong muốn các doanh nghiệp chú trọng hơn đến việc đầu tư xây dựng báo cáo thường niên, qua đó ngày càng thể hiện tính chuyên nghiệp trong quan hệ với cổ đông công ty, cũng như góp phần thu hút mạnh mẽ vốn góp của các nhà đầu tư tiềm năng, HNX có một số khuyến nghị nhằm giúp các doanh nghiệp hoàn thiện hơn nữa ấn phẩm này.

Một là, đảm bảo việc nộp báo cáo thường niên đúng thời hạn và đúng mẫu theo quy định hiện hành.

Hai là, đầu tư thêm vào hình thức của báo cáo, giúp báo cáo không khô khan, nhàm chán, thiếu hấp dẫn. Một báo cáo thường niên chất lượng là một báo cáo chuẩn chỉnh, thu hút về hình thức và sâu sắc trong nội dung.

Ba là, về mặt nội dung, các doanh nghiệp nên bổ sung nhiều thông tin cụ thể hơn khi nói về chiến lược phát triển trung, dài hạn của công ty, phân tích những rủi ro công ty có thể gặp phải, nguyên nhân việc không đạt/đạt được kế hoạch đề ra trong năm.

Báo cáo thường niên cũng nên là nơi để hội đồng quản trị, ban điều hành chia sẻ tâm tư, chia sẻ những khó khăn mình gặp phải trong năm, những lý do khiến công ty không đạt được kế hoạch như kỳ vọng để nhà đầu tư hiểu và thông cảm, cũng như tìm ra được định hướng mới cho công ty trong tương lai.

Đối với các nội dung đã quy định theo mẫu báo cáo thường niên tại Thông tư 155, nếu lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp không có một số nội dung nào đó, hoặc không có ảnh hưởng gì thì nên ghi rõ trong báo cáo thường niên. Việc thể hiện rõ có/không có các nội dung này giúp doanh nghiệp không bị mất điểm một cách đáng tiếc.

Ngoài ra, bên cạnh các thông tin về tài chính, công ty cũng cần lưu ý tới các thông tin liên quan tới môi trường, xã hội. Một doanh nghiệp muốn phát triển bền vững và vươn cao thì ngoài việc có trách nhiệm trong hoạt động, trong điều hành, còn cần có trách nhiệm với môi trường, xã hội.

Nhìn chung, việc lập một báo cáo thường niên không phải là một việc khó, nhưng để lập một báo cáo thường niên chất lượng thì cần đầu tư lớn về cả thời gian và nhân lực. Các doanh nghiệp nên coi việc lập báo cáo thường niên là một hình thức để giao tiếp với nhà đầu tư, quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp, ghi nhận những dấu mốc trong quá trình hoạt động trong năm của mình.

() Theo Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội*

Đặc san Toàn cảnh doanh nghiệp niêm yết 2018

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM CỦA FPTS

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Cá nhân/tổ chức sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTS. Cá nhân/tổ chức sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình. FPTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Các thông tin liên quan có thể được xem tại <http://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu.

DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tư vấn Quản trị công ty

- Tư vấn Quan hệ cổ đông và giải pháp EzSearch
- Tư vấn quản lý cổ đông và giải pháp EzLink
- Tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ và giải pháp EzGSM
- Xây dựng chính sách cổ tức
- Quy chế quản trị
- Lập báo cáo thường niên
- Xây dựng quy chế ESOP
- Xây dựng quy chế hoạt động của HĐQT

Tư vấn Quản trị doanh nghiệp

- Tư vấn quản trị nhân sự EzHRM
- Tư vấn quản trị tài chính kế toán EzFAM
- Tư vấn quản trị quan hệ khách hàng EzCRM

Hoàn thiện doanh nghiệp

- Hoàn thiện doanh nghiệp
- Lập kế hoạch kinh doanh
- Dự báo tài chính

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

- M&A
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn phát hành (cổ phiếu/trái phiếu)
- Tư vấn chào bán chứng khoán (IPO- đấu giá, chào bán riêng lẻ)
- Thu xếp vốn
- Tái cấu trúc vốn
- Rà soát đặc biệt
- Định giá

Tư vấn khác

- Niêm yết
- Cổ phần hóa
- Đăng ký công ty đại chúng
- UpCom
- Đại lý đăng ký lưu ký trái phiếu
- Tư vấn thoái vốn